

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

Số: 34 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Vĩnh Long, ngày 01 tháng 01 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội; dự toán thu chi ngân sách nhà nước và kế hoạch vốn đầu tư phát triển và danh mục công trình xây dựng cơ bản năm 2017

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long khóa IX, kỳ họp thứ 3 về kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội năm 2017;

Căn cứ Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long khóa IX, kỳ họp thứ 3 về việc phê chuẩn dự toán ngân sách nhà nước năm 2017; kế hoạch vốn đầu tư phát triển và danh mục công trình xây dựng cơ bản năm 2017;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 13/TTr-SKHĐT-TH, ngày 04/01/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao các sở, ban ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thực hiện:

1. Các chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2017 tại Phụ lục số 1 đính kèm theo Quyết định này.

2. Các chỉ tiêu về dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2017 (theo Quyết định số 3134/QĐ-UBND ngày 28/12/2016 và văn bản số 4955/UBND-KTTH ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh).

3. Kế hoạch vốn đầu tư phát triển và danh mục công trình xây dựng cơ bản năm 2017 (theo Quyết định số 3127/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh).

Điều 2. Thủ trưởng các sở, ban ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao:

1. Xây dựng kế hoạch để triển khai thực hiện ngay từ đầu năm các chỉ tiêu kinh tế – xã hội năm 2017; dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh và số bổ sung cho ngân sách cấp dưới năm 2017 và kế hoạch vốn đầu tư phát triển và danh mục công trình xây dựng cơ bản năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh giao.

2. Có trách nhiệm chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thực hiện đạt các nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh năm 2017; thực hiện nghiêm túc Luật Ngân sách nhà nước, đảm bảo kỷ luật, kỷ cương, chặt chẽ, đúng mục đích, chỉ tiêu tiết kiệm, hiệu quả theo dự toán giao, triển khai tốt các giải pháp thu ngân sách trên địa bàn ngay từ những tháng đầu năm 2017; tập trung chỉ đạo triển khai công tác lựa chọn nhà thầu, thiết kế bản vẽ thi công – dự toán, khởi công công trình, đảm bảo triển khai, giải ngân kế hoạch vốn đạt trên 95%.

3. Định kỳ sơ kết, tổng kết và báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu về Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 3. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban ngành tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. *h*

Nơi nhận:

- VP Chính phủ I, II;
- TT. TU, TT.HẸND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Chánh, Phó VP.UBND tỉnh;
- Các phòng Nghiên cứu, TT Công báo, Tin học;
- Lưu: VT, 1.05.02



Nguyễn Văn Quang

PHỤ LỤC SỐ 1
CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ – XÃ HỘI CHỦ YẾU NĂM 2017

I. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu theo Nghị quyết của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh và Hội đồng nhân dân tỉnh

ST T	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2017	Đơn vị chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện	Tổ chức thực hiện/phối hợp thực hiện
	a) Các chỉ tiêu về kinh tế				
1	Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) tăng	%	7,0	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố
2	Giá trị sản xuất nông – lâm – thủy sản tăng	%	2,0	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ban ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố
3	Chỉ số sản xuất công nghiệp tăng (IIP)	%	12,0	Sở Công thương	Các sở, ban ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố
4	Giá trị các ngành dịch vụ tăng	%	7,5	Sở Công thương	Các sở, ban ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố
5	GRDP bình quân đầu người (theo giá thực tế)	Tr. đồng	45,47	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố
6	Cơ cấu GRDP (theo giá thực tế)				
	+ Khu vực I	%	29,41	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ban ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố
	+ Khu vực II	%	24,62	Sở Công thương	Các sở, ban ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố
	+ Khu vực III	%	45,97	Sở Công thương	Các sở, ban ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố
7	Tổng kim ngạch xuất khẩu	Tr. USD	360	Sở Công thương	Các sở, ban ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố

ST T	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2017	Đơn vị chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện	Tổ chức thực hiện/phối hợp thực hiện
8	Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội	Tỷ đồng	13.500	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố
9	Tổng thu ngân sách trên địa bàn	Tỷ đồng	6.136,90	Sở Tài chính	Các sở, ban ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố
10	Tổng chi ngân sách địa phương	Tỷ đồng	7.487,05	Sở Tài chính	Các sở, ban ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố
11	Tỷ lệ thanh toán không dùng tiền mặt	%	72	Ngân hàng nhà nước VN chi nhánh tỉnh Vĩnh Long	Các sở, ban ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố
	b) Các chỉ tiêu về xã hội				
12	Tỷ lệ lao động có chuyên môn kỹ thuật	%	63	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các sở, ban ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố
13	Tạo thêm việc làm mới cho lao động	Người	19.000	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các sở, ban ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố
14	Chuyển dịch cơ cấu lao động			Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các sở, ban ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố
	+ Lao động nông, lâm, thủy sản	%	46		
	+ Lao động phi nông nghiệp	%	54		
15	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	0,8 - 1	Sở Y tế	
16	Giảm số hộ nghèo	%	1	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các sở, ban ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố

ST T	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2017	Đơn vị chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện	Tổ chức thực hiện/phối hợp thực hiện
17	Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi còn dưới	%	13,3	Sở Y tế	Các sở, ban ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố
18	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	%	77	Bảo hiểm xã hội tỉnh	Các sở, ban ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố
19	Phái triển nhà ở xã hội (vốn ngoài ngân sách nhà nước)	Căn	200	Sở Xây dựng	Các sở, ban ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố
	c) Các chỉ tiêu về môi trường				
20	Cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý	%	100	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố
21	Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt				Các sở, ban ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố
	+ Khu vực đô thị	%	88,2	Sở Xây dựng	
	+ Khu vực nông thôn	%	55	Sở Tài nguyên và Môi trường	
22	Tỷ lệ các khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải	%	100	Sở Công thương	Các sở, ban ngành tỉnh, UBND huyện Long Hồ và thị xã Bình Minh
23	Chất thải, nước thải các cơ sở y tế được thu gom và xử lý	%	100	Sở Y tế	Các sở, ban ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố
24	Tỷ lệ hộ đô thị sử dụng nước từ hệ thống nước máy tập trung	%	98,2	Sở Xây dựng	Các sở, ban ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố
25	Tỷ lệ hộ nông thôn sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung	%	70	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ban ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố

ST T	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2017	Đơn vị chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện	Tổ chức thực hiện/phối hợp thực hiện
26	Tiêu chí xã Nông thôn mới			Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Thành phố Các sở, ban ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố
	- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới ở mỗi huyện, thị xã	Xã	Ít nhất 01 xã		

II. Chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư phát triển theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh

ST T	Chỉ tiêu	KH 2017	Đơn vị chủ trì thực hiện
1	Kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2017	Theo Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Quyết định số 3127/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	Các sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các chủ đầu tư